TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Duy Phi

Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Quyên, ông Nguyễn Hữu Đồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Hợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 – Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T kết hôn chị Nguyễn Thị T vào ngày 29/6/2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T sống hạnh phúc bên nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng anh T là do

tính cách 02 (hai) người không hợp nhau, cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T có 01 người con chung là Nguyễn Thái T, sinh ngày 12/5/2012. Khi vợ chồng sống ly thân con chung sống cùng với anh T, nay ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, chị T có đơn đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án, chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 29/6/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T chung sống hạnh phúc bên nhau một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫnvà sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng là do tính cách thay đổi, quan điểm sống bất đồng, nên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau nữa. Trong thời gian sống ly thân mỗi người tụ lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thái T, sinh ngày 12/5/2012, trong thời gian vợ chồng ly thân con chung sống với anh T nên khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và thông báo kết quả giải quyết vụ án cho chị T biết.

Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/9/2023 thấy rằng: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại Xóm 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; chị Nguyễn Thị T có chồng là anh Nguyễn Văn T và có 01 người con chung là Nguyễn Thái T, trong cuộc sống vợ chồng chị T anh T có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hiện nay anh T và

01 người con chung có đăng ký thường trú và sinh sống tại xóm 6, xã Đại Sơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là chị Nguyễn Thị T cư trú tại Xóm 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc giải quyết vụ án, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét đề nghị của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T về việc ly hôn và nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau ngày 29/6/2012 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp lệ theo quy định của pháp luật, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc bên nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng rất nặng nề, thường xuyên xảy ra cãi vã không tôn trọng nhau, anh

T và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay và từ đó mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, giữa anh T và chị T không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị T.

Xét tình cảm giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T là phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T có 01 con chúng là Nguyễn Thái T, sinh ngày 12/5/2012. Xét đề nghị của anh T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thấy rằng: Khi anh T và chị T sống ly thân cháu Thùy sống cùng với anh T; chị T cũng đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Thùy đã trên 07 (Bảy) tuổi và tại bản tự khai cháu Thùy trình bày có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của anh T giao con chung Nguyễn Thái T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thái T, sinh ngày 12/5/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị T.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp *(Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo BL số 0002917 ngày 27/03/2023 tại Chi cục THANDS huyện Đô Lương)*.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toàn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Duy Phi